

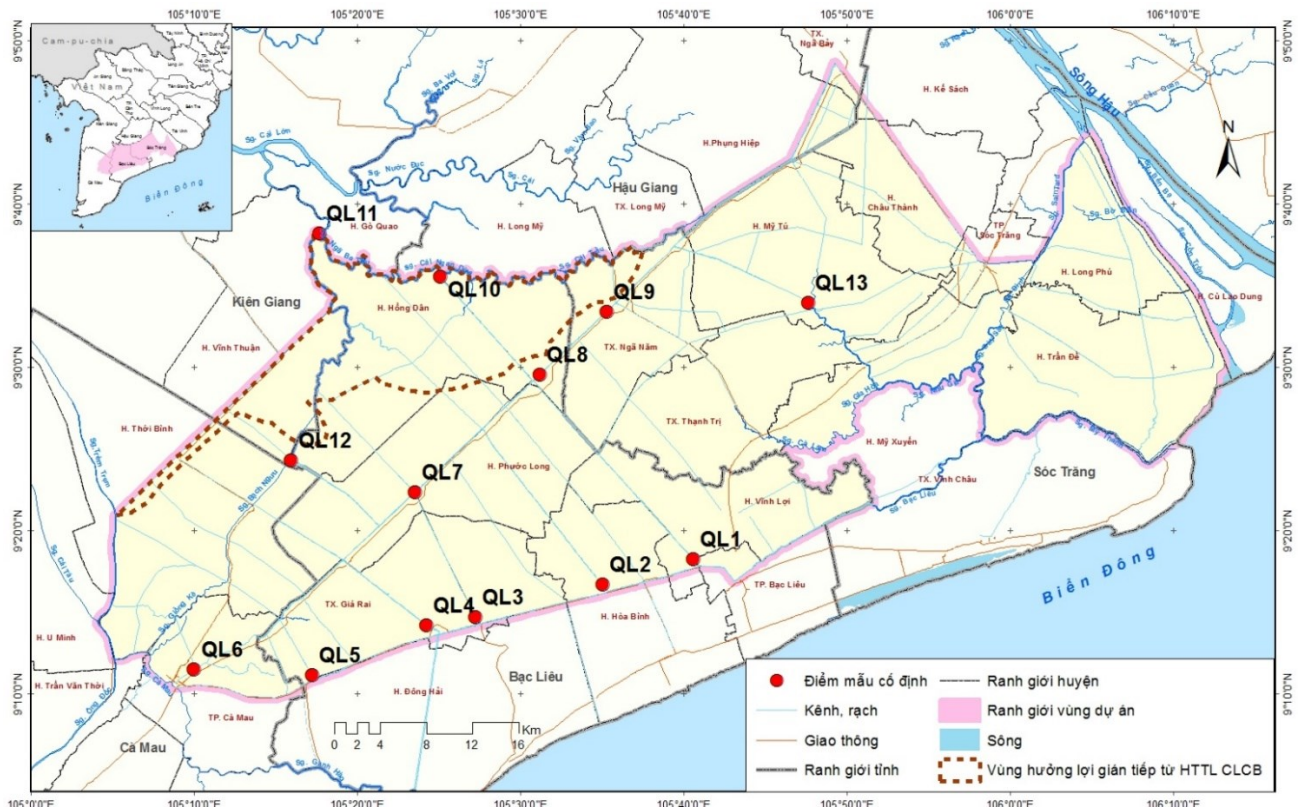
BẢN TIN TUẦN KỲ 15

“Đợt đo ngày 06/6/2024, dự báo từ 13/6/2024 đến 19/6/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 06/6/2024

1.1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chệch đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



1.2. Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08- MT:2015/BTNMT Cột B1 (*)	5,5- 9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500		
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2, mức B) (*)	6- 8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Trong cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,48	0,5	39,06	4,35	22,30	38,2	0,04	1,25	0,03	0,07	2,42	8400	56	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, không sử dụng nước tưới cho rau màu vì Coliform cao vượt ngưỡng.
2	Trong cống Vĩnh Mỹ trên kênh Phước Long – Vĩnh Mỹ (QL2)	8,15	0,3	55,3	4,98	18,74	33,4	0,07	0,99	0,24	0,22	2,54	7600	54	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy

																vào ao nuôi.
5	Trong cống Láng Trâm trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	7,52	20,7	42,06	3,96	18,00	28,4	0,12	0,98	0,10	0,12	1,20	6900	55	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, NO ₂ ⁻ và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.	
6	Trong cống Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,05	17,3	7,54	2,25	30,20	49,7	0,62	2,67	0,03	0,06	0,76	34000	28	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform cao vượt ngưỡng.	
7	Điểm giao giữa Quản Lộ-Phụng Hiệp với kênh Cạnh Đền-Phó Sinh và	7,03	14,6	6,75	2,92	21,40	36,4	0,07	1,54	0,07	0,19	0,65	33000	29	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm	

																Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.
10	Điểm giao trên kênh xáng Ngan Dừa với rạch Xẻo Chít (QL10)	6,15	5,4	8,36	3,82	14,70	27,6	0,06	2,24	0,10	0,08	1,16	17000	32	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trước khi đưa vào ao nuôi.	
11	Điểm lấy mẫu ở vị trí Ngã Ba Đình trên sông Cái Lớn (QL11)	6,37	10,6	5,1	4,33	15,90	29,8	0,06	2,11	0,10	0,14	0,87	13000	31	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform cao.	
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch Ngưu	6,4	21,8	5,92	5,19	20,40	34,4	0,06	0,75	0,07	0,23	1,08	8400	51	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây	

	(QL12)															trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ, NO ₂ ⁻ và Coliform cao vượt ngưỡng.
13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,4	0,2	6,18	5,58	13,70	23,7	0,08	0,67	0,04	0,27	4,13	9200	58	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, không dùng nước tưới cho rau màu.	
Khuyến cáo chung:		<p>- Nhìn chung, độ mặn trong tiểu vùng ngọt hóa và chuyển đổi được kiểm soát tốt. Trong tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn tại tất cả các vị trí đều nhỏ hơn 2‰ đảm bảo cho việc lấy nước cho trồng trọt. Độ mặn trong tiểu vùng chuyển đổi nằm trong ngưỡng thích hợp nuôi tôm dao động từ 5‰ – 22,7‰.</p> <p>- Ô nhiễm hữu cơ cao xuất hiện ở đoạn cuối kênh QLPH (phía cống Cà Mau), sau cống ngăn mặn (cống Cầu Sập, cống Vĩnh Mỹ, Giá Rai) và kênh Phong Thạnh Tây, không phù hợp lấy nước sản xuất nông nghiệp. Đối với ô nhiễm ni tơ (NH₄⁺, NO₂⁻) xuất hiện tại hầu hết các điểm. Ngoài ra, tại hầu hết các điểm cũng có bị ô nhiễm Coliform khá cao, không tưới cho rau màu và nuôi trồng thủy sản.</p>														

Ghi chú: () Theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2 thì giá trị*

trung bình số học của tối thiểu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 13/6÷19/6/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 13/6/2024 đến 19/6/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 13/6÷19/6/2024 dao động trong khoảng 0÷24‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn dự báo dao động từ 0÷0,7‰ nên đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn đáp ứng được nhu cầu cấp nước mặn cho việc nuôi trồng thủy sản (>5‰) tại tất cả các vị trí.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 13/6÷19/6/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,5	0,5	0,5	0,6	0,6	0,6	0,5	0,5	0,6
QL2		0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
QL8		0,5	0,5	0,6	0,6	0,6	0,7	0,7	0,5	0,7
QL9		0,3	0,4	0,4	0,5	0,6	0,6	0,6	0,3	0,6
QL13		0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,0	0,0	0,0	0,3
QL3	Chuyển đổi	14,6	13,8	14,3	16,1	15,8	11,4	10,1	10,1	16,1
QL4		23,3	23,8	24,0	23,9	23,9	23,7	22,9	22,9	24,0
QL5		22,5	22,2	21,9	21,4	20,6	19,8	19,2	19,2	22,5
QL6		18,7	18,5	18,5	18,7	18,1	15,6	14,2	14,2	18,7
QL7		11,8	11,8	11,9	12,0	12,3	12,5	12,6	11,8	12,6
QL10		6,9	6,9	6,8	6,7	6,6	6,5	6,3	6,3	6,9
QL11		10,6	9,9	9,2	8,6	8,2	8,2	8,4	8,2	10,6
QL12		21,5	24,0	21,2	19,1	19,4	20,2	21,1	19,1	24,0
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 13/6÷19/6/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	5,41	5,52	5,60	5,63	5,62	5,60	5,55	5,41	5,63
QL2		5,35	5,34	5,32	5,32	5,32	5,33	5,34	5,32	5,35
QL8		3,89	3,76	3,64	3,59	3,61	3,69	3,78	3,59	3,89
QL9		4,03	4,21	4,45	4,71	4,87	4,84	4,68	4,03	4,87
QL13		5,64	5,63	5,62	5,59	5,57	5,53	5,48	5,48	5,64
QL3	Chuyển đổi	5,47	5,47	5,47	5,47	5,46	5,46	5,46	5,46	5,47
QL4		5,39	5,39	5,39	5,40	5,40	5,40	5,40	5,39	5,40
QL5		3,93	3,85	3,83	3,85	3,91	3,98	4,07	3,83	4,07
QL6		2,93	3,00	3,29	3,65	3,96	4,16	4,32	2,93	4,32
QL7		3,76	3,60	3,60	3,72	3,91	4,11	4,28	3,60	4,28
QL10		4,62	4,58	4,55	4,52	4,51	4,54	4,59	4,51	4,62
QL11		4,46	4,54	4,62	4,66	4,66	4,59	4,46	4,46	4,66

QL12		5,58	5,57	5,57	5,57	5,58	5,59	5,60	5,57	5,60
QCVN 08:2015 (Cột A1)		>= 6								
QCVN 08:2015 (Cột B1)		>= 4								
Vượt cột B1		< 4								

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 2,93÷5,64 mg/l. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng oxy hòa tan tại hầu hết các vị trí đều trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo cấp nước cho nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ cống Láng Trâm, cống Cà Mau và ngã tư Phó Sinh vượt ngưỡng cột B1.

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần dao động từ 10,74÷30,92 mg/l. Trong đợt này, nguồn nước trong vùng dự báo sẽ bị ô nhiễm hữu cơ cao. Trong tiểu vùng chuyển đổi, nguồn nước ở cống Láng Trâm, cống Cà Mau, ngã tư Phó Sinh và kênh Phong Thạnh Tây có hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT từ 1÷1,4 lần, cần chú ý xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 13/6÷19/6/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	21,54	20,22	17,61	16,30	15,74	15,51	15,49	15,49	21,54
QL2		15,03	14,10	13,39	13,02	12,85	12,82	12,89	12,82	15,03
QL8		13,48	13,31	12,96	12,58	12,36	12,26	12,29	12,26	13,48
QL9		17,56	16,07	15,05	14,39	14,09	14,04	14,18	14,04	17,56
QL13		13,17	13,41	13,55	13,67	13,59	13,23	12,88	12,88	13,67
QL3	Chuyển đổi	13,95	13,74	13,67	13,69	13,74	13,77	13,78	13,67	13,95
QL4		10,74	11,02	11,20	11,24	11,19	11,11	11,03	10,74	11,24
QL5		16,17	16,82	17,53	15,75	12,19	12,30	11,87	11,87	17,53
QL6		30,92	29,14	25,99	23,61	22,30	21,76	21,69	21,69	30,92
QL7		17,63	18,07	18,73	19,34	19,58	19,63	19,62	17,63	19,63
QL10		13,66	13,61	13,32	12,97	12,70	12,39	12,04	12,04	13,66
QL11		12,78	12,90	12,99	13,13	13,30	13,27	13,28	12,78	13,30
QL12		20,04	20,63	20,01	18,56	16,99	15,87	15,40	15,40	20,63
QCVN 08:2015 Cột A1		4								
QCVN 08:2015 Cột B1		15								
Vượt cột B1		>15								

2.4. Amoni (NH₄⁺)

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 13/6÷19/6/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	1,10	1,05	0,75	0,75	0,76	0,76	0,76	0,75	1,10
QL2		1,58	1,52	1,46	1,44	1,40	1,34	1,29	1,29	1,58
QL8		1,13	1,12	1,13	1,13	1,13	1,12	1,11	1,11	1,13
QL9		1,11	1,07	1,08	1,18	1,30	1,24	1,23	1,07	1,30
QL13		0,51	0,54	0,58	0,62	0,64	0,64	0,63	0,51	0,64

QL3	Chuyển đổi	0,62	0,61	0,61	0,64	0,69	0,81	0,79	0,61	0,81
QL4		0,81	0,83	0,83	0,82	0,82	0,84	0,85	0,81	0,85
QL5		0,91	0,92	0,93	0,93	0,94	0,95	0,97	0,91	0,97
QL6		1,21	1,23	1,23	1,22	1,20	1,17	1,14	1,14	1,23
QL7		0,98	0,95	0,92	0,88	0,84	0,82	0,82	0,82	0,98
QL10		0,95	0,94	0,94	0,94	0,92	0,91	0,89	0,89	0,95
QL11		1,32	1,36	1,43	1,45	1,45	1,43	1,40	1,32	1,45
QL12		0,81	0,89	0,98	0,95	0,89	0,86	0,84	0,81	0,98
QCVN 08:2015 Cột A1			0,3							
QCVN 08:2015 Cột B1		0,9								
Vượt cột B1		> 0,9								

Giá trị NH_4^+ dự báo trong tuần dao động từ 0,51÷1,58 mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với chuyển đổi, hầu hết các vị trí có hàm lượng amoni vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT gấp từ 1÷1,6 lần, không đảm bảo nhu cầu cấp nước cho nuôi trồng thủy sản.

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, độ mặn tại các tiểu vùng đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng oxy hòa tan (DO) tại cống Láng Trâm, cống Cà Mau và ngã tư Phó Sinh thấp dưới ngưỡng cột B1, không đáp ứng cho nuôi trồng thủy sản. Hàm lượng BOD₅ dự báo tại cống Láng Trâm, cống Cà Mau, ngã tư Phó Sinh và kênh Phong Thạnh Tây cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT, cần xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi. Hàm lượng amoni dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi không đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản tại các vị trí cống Láng Trâm, cống Cà Mau, ngã tư Phó Sinh, ngã Ba Đình và khu vực Bắc Hồng Dân (QL10).

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng